

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 13 – 7 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh;

2. Ông Phạm Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2018/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Chúc G, sinh năm 1988. Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 271, tổ 9, ấp MP, xã MTT, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1988. Địa chỉ nơi cư trú: Số 393, tổ 10, ấp MH, xã K, huyện Z, tỉnh An Giang; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn chị G trình bày như sau: Tôi và anh T tự nguyện quen nhau, được cha mẹ hai bên cưới gả vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Thời gian cưới nhau, vợ chồng đi làm ở Bình Dương, sống rất hạnh phúc. Khoảng 01 năm trước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do T tham gia cờ bạc, gây nợ dẫn đến vợ chồng cự cãi, tôi về nhà mẹ ruột sống khoảng 8 tháng nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không thể hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về quan hệ con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần DT, sinh ngày 11/6/2015, hiện con đang do anh T nuôi, khi ly hôn tôi đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung, tôi không cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, anh T không đến Tòa án nhân dân huyện Châu Phú trình bày ý kiến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị G.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị G: Giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn, đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi; về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Tấn T: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chị G và anh T chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị G trình bày do anh T tham gia chơi cờ bạc, gây nợ, chị G khuyên ngăn nhưng không được, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản xác minh thể hiện anh T nhận được văn bản tố tụng hợp lệ và mẹ ruột của T cung cấp là T đồng ý ly hôn nhưng do đi làm không xin nghỉ phép nên không đến Tòa án. Nhận thấy, anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị G là có cơ sở chấp nhận.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần DT, sinh ngày 11/6/2015; con đang được anh T trực tiếp nuôi. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi, anh T không có ý kiến gì về cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 3 năm 2018 thể hiện: Anh Nguyễn Tấn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp MH, xã K, huyện Z, tỉnh An Giang. Chị G khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Phú tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên

tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị G và anh T như sau: Chị G cho rằng anh T tham gia cờ bạc, gây nợ nên vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên gây cãi. Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 3 năm 2018, thể hiện như sau: Bà Tăng Kim Nhung là mẹ ruột anh T cho biết là T biết việc G nộp đơn ly hôn, bà đã giao văn bản triệu tập của Tòa án cho T nhưng T không về được do bận đi làm xa và có cho bà Nhung biết là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị G và anh T sống ly thân đã lâu, anh T không quan tâm cuộc sống hôn nhân nên không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn. Chị G xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng sống không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, cả hai không tạo điều kiện cho nhau để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần DT, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2015. Xét thấy, anh T đang trực tiếp nuôi con chung, chị G đồng ý giao con cho anh T nuôi. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao con cho anh T được trực tiếp nuôi, do anh T không có ý kiến hoặc văn bản về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị G thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017687 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Chúc G được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Tấn T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần DT, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2015. Anh T không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị G thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Chị G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017687 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã K;
- Đương sự (Đề thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh